

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số 645/BC-UBND ngày 14 / 03 /2022 của UBND huyện Than Uyên)

STT	TÀI SẢN	TỔNG CỘNG		HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
				Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
		SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH		Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Tổng cộng	1.003	783.455	170.561	605.180	2.333				
	1- Đất khuôn viên	313	650.179	137.488	505.956	0				
	2- Nhà	680	129.722	33.067	95.667	2.333				
	3- Xe ô tô	8	0	6	2	0				
	4- Tài sản cố định khác	2	3.554	0	3.554	0				
1	Phòng Giáo dục và Đào tạo	31	8.578		8.575					
	1- Đất khuôn viên	1	1.451		1.451					
	2- Nhà	6	1.280		1.280					
	3- Xe ô tô									
	4- Tài sản cố định khác									
2	Mầm non thị trấn	11	9.601	0	9.601					
	1- Đất khuôn viên	2	6.823		6.823					
	2- Nhà	9	2.778		2.778					
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác		0							
3	Mầm Non xã Mường Cang	12	9.172	0	9.172					
	1- Đất khuôn viên	4	7.564		7.564					
	2- Nhà	8	1.608		1.608					
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác		0							
4	Mầm Non xã Hua Nà	13	7.591	0	7.591					
	1- Đất khuôn viên	5	6.905		6.905					
	2- Nhà	8	686		686					
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác									
5	Mầm Non xã Mường Than	19	11.059	0	11.059					

STT	TÀI SẢN	TỔNG CỘNG		HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
				Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
		SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH		Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	1- Đất khuôn viên	4	9.359		9.359					
	2- Nhà	15	1.700		1.700					
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác		0							
6	Mâm Non xã Phúc Than	27	16.765	0	16.765					
	1- Đất khuôn viên	9	14.152		14.152					
	2- Nhà	18	2.613		2.613					
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác		0							
7	Mâm Non xã Pha Mu	8	4.173	0	4.173					
	1- Đất khuôn viên	3	4.001		4.001					
	2- Nhà	5	171		171					
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác		0							
8	Mâm Non xã Tà Hừa	22	7.470	0	7.470					
	1- Đất khuôn viên	8	6.155		6.155					
	2- Nhà	14	1.315		1.315					
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác		0							
9	Mâm Non xã Ta Gia	31	19.589	0	19.589					
	1- Đất khuôn viên	9	17.522		17.522					
	2- Nhà	22	2.067		2.067					
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác		0							
10	Mâm Non xã Mường Mít	9	6.092	0	6.092					
	1- Đất khuôn viên	4	4.701		4.701					
	2- Nhà	5	1.391		1.391					
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác		0							
11	Mâm Non xã Khoen On	14	11.032	0	11.032					
	1- Đất khuôn viên	9	9.862		9.862					
	2- Nhà	5	1.170		1.170					

STT	TÀI SẢN	TỔNG CỘNG		HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
				Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
		SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH		Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác		0							
12	Mâm Non xã Mường Kim	36	29.405	0	30.750					
	1- Đất khuôn viên	14	16.182		16.182					
	2- Nhà	22	13.223		14.568					
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác		0							
13	Mâm Non xã Tà Mung	25	9.109	0	9.109					
	1- Đất khuôn viên	8	7.750		7.750					
	2- Nhà	17	1.359		1.359					
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác		0							
14	Tiểu học thị trấn	9	10.290	0	10.290					
	1- Đất khuôn viên	1	7.367		7.367					
	2- Nhà	8	2.923		2.923					
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác		0							
15	Tiểu học xã Mường Cang	11	8.856	0	8.856					
	1- Đất khuôn viên	3	6.747		6.747					
	2- Nhà	8	2.110		2.110					
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác		0							
16	Tiểu học xã Hua Nà	15	9.104	0	9.104					
	1- Đất khuôn viên	2	7.568		7.568					
	2- Nhà	13	1.536		1.536					
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác		0							
17	Tiểu học xã Mường Kim	29	49.318	0	49.318					
	1- Đất khuôn viên	9	44.237		44.237,0					
	2- Nhà	20	5.081		5.081					
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác		0							

STT	TÀI SẢN	TỔNG CỘNG		HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
				Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
		SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH		Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
18	Tiểu học xã Ta Gia	32	30.569	0	30.569					
	1- Đất khuôn viên	10	26.904		26.904					
	2- Nhà	22	3.665		3.665					
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác		0							
19	Tiểu học xã Mường Than	17	16.954	0	16.954					
	1- Đất khuôn viên	4	14.488		14.488					
	2- Nhà	13	2.466		2.466					
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác		0							
20	Tiểu học xã Phúc Than	32	33.960	0	33.960					
	1- Đất khuôn viên	7	29.150		29.150					
	2- Nhà	25	4.810		4.810					
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác		0							
21	PTDTBT TH xã Tà Mung	20	18.586	0	18.586					
	1- Đất khuôn viên	5	15.173		15.173					
	2- Nhà	15	3.413		3.413					
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác		0							
22	PTDTBT TH xã Khoen On	30	36.987	0	36.987					
	1- Đất khuôn viên	9	34.943		34.943					
	2- Nhà	21	2.044		2.044					
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác		0							
23	PTDTBT TH xã Tà Hừa	12	5.213	0	5.213					
	1- Đất khuôn viên	4	4.124		4.124					
	2- Nhà	8	1.089		1.089					
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác		0							
24	Tiểu học xã Mường Mít	24	7.500	0	7.500					
	1- Đất khuôn viên	4	6.278		6.278					

STT	TÀI SẢN	TỔNG CỘNG		HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
				Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
		SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH		Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	2- Nhà	20	1.222		1.222					
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác		0							
25	THCS thị trấn	8	12.345	0	12.345					
	1- Đất khuôn viên	1	6.435		6.435					
	2- Nhà	6	3.110		3.110					
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác	1	2.800		2.800					
26	THCS xã Mường Cang	10	8.511	0	8.511					
	1- Đất khuôn viên	2	6.463		6.463					
	2- Nhà	8	2.048		2.048					
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác		0							
27	THCS xã Mường Than	6	10.681	0	10.681					
	1- Đất khuôn viên	1	8.611		8.611					
	2- Nhà	5	2.070		2.070					
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác		0							
28	PTDTBT THCS xã Tà Mung	26	15.057	0	15.057					
	1- Đất khuôn viên	1	11.190		11.190					
	2- Nhà	25	3.867		3.867					
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác		0							
29	PTDTBT THCS xã Tà Hừa	13	5.366	0	5.366					
	1- Đất khuôn viên	1	3.286		3.286					
	2- Nhà	12	2.079		2.079					
	3- Xe ô tô									
	4- Tài sản cố định khác									
30	PTDTBT THCS xã Khoen On	9	15.117	0	15.117					
	1- Đất khuôn viên	2	12.274		12.274					
	2- Nhà	7	2.843		2.843					
	3- Xe ô tô		0							

STT	TÀI SẢN	TỔNG CỘNG		HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
				Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
		SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH		Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	4- Tài sản cố định khác		0							
31	THCS xã Hua Nà	7	9.115	0	9.115					
	1- Đất khuôn viên	1	7500		7.500					
	2- Nhà	6	1615		1.615					
	3- Xe ô tô									
	4- Tài sản cố định khác									
32	THCS xã Mường Mít	8	11.558	0	11.558					
	1- Đất khuôn viên	1	10.573		10.573					
	2- Nhà	7	985		985					
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác		0							
33	THCS xã Mường Kim	19	19.696	0	19.696					
	1- Đất khuôn viên	2	16.354		16.354					
	2- Nhà	17	3.342		3.342					
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác		0							
34	THCS xã Phúc Than	8	25.607	0	25.607					
	1- Đất khuôn viên	1	22.002		22.002					
	2- Nhà	7	3.605		3.605					
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác		0							
35	THCS xã Ta Gia	9	17.198	0	17.198					
	1- Đất khuôn viên	1	14.734		14.734					
	2- Nhà	8	2.464		2.464					
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác		0							
36	Tiểu học và THCS xã Pha Mu	14	13.311	0	13.311					
	1- Đất khuôn viên	5	11400	0	11.400					
	2- Nhà	9	1911	0	1.911					
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác		0							
37	Ban quản lý chợ	6	9.208	80	60	2.333				

STT	TÀI SẢN	TỔNG CỘNG		HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
				Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
		SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH		Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	1- Đất khuôn viên	1	6.735							
	2- Nhà	5	2.473	80	60	2.333				
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác		0							
38	Ban quản lý rừng phòng hộ	2	4.689	0	4.689					
	1- Đất khuôn viên	1	4.529		4.529					
	2- Nhà	1	160		160					
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác		0							
39	Trung tâm Văn hóa, thể thao và Truyền thông	8	40.290	0	40.291					
	1- Đất khuôn viên	3	39.403		39.403					
	2- Nhà	4	887		887					
	3- Xe ô tô	1	0		1					
	4- Tài sản cố định khác		0							
40	Trung tâm GDNN-GDTX	6	21.886	0	21.886					
	1- Đất khuôn viên	1	20.678		20.678					
	2- Nhà	5	1.208		1.208					
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác		0							
41	Huyện ủy	8	7.099	7.101	0					
	1- Đất khuôn viên	1	5.276	5.276						
	2- Nhà	5	1.823	1.823						
	3- Xe ô tô	2		2						
	4- Tài sản cố định khác		0							
42	Văn phòng HĐND-UBND	8	9.829	9.832	0					
	1- Đất khuôn viên	1	7.598	7.598						
	2- Nhà	4	2.232	2.232						
	3- Xe ô tô	3		3						
	4- Tài sản cố định khác		0							
43	Phòng Tài chính - Kế hoạch	2	1.078	1.078	0					
	1- Đất khuôn viên	1	797	797						
	2- Nhà	1	281	281						

STT	TÀI SẢN	TỔNG CỘNG		HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
				Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
		SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH		Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác		0							
44	Phòng NN và PTNT	5	1.400	1.401	0					
	1- Đất khuôn viên	1	977	977						
	2- Nhà	3	423	423						
	3- Xe ô tô	1		1						
	4- Tài sản cố định khác		0							
45	Trung tâm chính trị	3	2.517	2.517	0					
	1- Đất khuôn viên	1	1.812	1.812						
	2- Nhà	2	705	705						
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác		0							
46	Phòng Kinh tế hạ tầng	3	1.515	1.515	0					
	1- Đất khuôn viên	1	231	231						
	2- Nhà	2	1.284	1.284						
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác		0							
47	Phòng dân tộc	2	737	737	0					
	1- Đất khuôn viên	1	552	552						
	2- Nhà	1	185	185						
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác		0							
48	Mặt trận tổ quốc	3	3.119	3.119	0					
	1- Đất khuôn viên	1	1.498	1.498						
	2- Nhà	2	1.621	1.621						
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác		0							
49	UBND thị trấn	13	9.730	9.730	0					
	1- Đất khuôn viên	1	8.073	8.073						
	2- Nhà	12	1.657	1.657						
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác		0							

STT	TÀI SẢN	TỔNG CỘNG		HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
				Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
		SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH		Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
50	UBND xã Hua Nà	22	13.825	13.825	0					
	1- Đất khuôn viên	10	11.674	11.674						
	2- Nhà	12	2.151	2.151						
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác		0							
51	UBND xã Mường Cang	30	7.845	7.845	0					
	1- Đất khuôn viên	13	5.662	5.662						
	2- Nhà	17	2.183	2.183						
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác		0							
52	UBND xã Mường Than	40	12.468	12.468	0					
	1- Đất khuôn viên	19	10.089	10.089						
	2- Nhà	21	2.378	2.378						
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác		0							
53	UBND xã Phúc Than	45	17.686	17.686	0					
	1- Đất khuôn viên	23	15.438	15.438						
	2- Nhà	22	2.248	2.248						
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác		0							
54	UBND xã Mường Mít	24	7.475	7.475	0					
	1- Đất khuôn viên	10	5.753	5.753						
	2- Nhà	14	1.722	1.722						
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác		0							
55	UBND xã Mường Kim	57	20.186	20.186	0					
	1- Đất khuôn viên	22	16.292	16.292						
	2- Nhà	35	3.895	3.895						
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác		0							
56	UBND xã Tà Mung	26	12.672	12.672	0					
	1- Đất khuôn viên	13	11.421,7	11.421,7						

STT	TÀI SẢN	TỔNG CỘNG		HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
				Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
		SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH		Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	2- Nhà	13	1.250	1.250						
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác		0							
57	UBND xã Ta Già	32	15.611	15.611	0					
	1- Đất khuôn viên	15	13.394	13.394						
	2- Nhà	17	2.217	2.217						
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác		0							
58	UBND xã Khoen On	27	9.220	9.220	0					
	1- Đất khuôn viên	13	7.658	7.658						
	2- Nhà	14	1.561	1.561						
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác		0							
59	UBND xã Pha Mu	12	6.736	6.736	0					
	1- Đất khuôn viên	1	5.222	5.222						
	2- Nhà	11	1.514	1.514						
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác		0							
60	UBND xã Tà Hù	13	9.729	9.729	0					
	1- Đất khuôn viên	1	8.072	8.072						
	2- Nhà	12	1.657	1.657						
	3- Xe ô tô		0							
	4- Tài sản cố định khác		0							
61	Ban QLDA đầu tư xây dựng	4	2.223	0	2.224					
	1- Đất khuôn viên	1	1.121		1.121					
	2- Nhà	1	348,33		348,33					
	3- Xe ô tô	1	0		1					
	4- Tài sản cố định khác	1	754,476		754,476					